

Số ~~2265~~ /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~25~~ tháng ~~11~~ năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống  
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Tú - Cư trú tại tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 259.175.798 đồng.

*(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm bảy mươi năm nghìn, bảy trăm chín mươi tám đồng).*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*



2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Tú có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

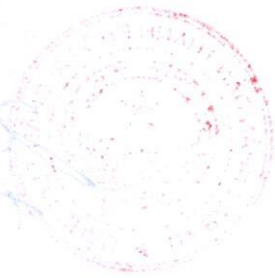
**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số: 2265/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11, năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
<b>3</b>	<b>Hộ gia đình bà Nguyễn Ngọc Tú</b>					
	Địa chỉ: bản Tở 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				<b><u>259.175.798</u></b>	
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>33.649.600</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	927,0			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	324,7	35.000	11.364.500	
	Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	602,3	37.000	22.285.100	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	Nguồn gốc: Thửa đất số 72; 206 tờ bản đồ 121 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 467 249 do UBND thị xã Lai Châu cấp (nay là UBND thành phố Lai Châu) cấp ngày 12/5/2012. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>70.505.398</b>	
	Tài sản tạo lập năm 2000 phục vụ sản xuất nông nghiệp, đứng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Bóc tách từ cống ao					
	Bê tông không cốt thép (6*0,2*0,6) cống ao	m <sup>3</sup>	0,72	852.500	613.800	
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,2*1,5) cống ao	m <sup>2</sup>	3,3	127.600	421.080	
	Trát VXM không đánh màu 2,2*1,5	m <sup>2</sup>	3,3	275.000	907.500	
2	Ao đào không phân biệt cấp đất (1,7*602,3m <sup>2</sup> )	m <sup>3</sup>	1.023,9	58.300	59.693.953	
3	Tường xây gạch bi tường 12 cm 1,1*15	m <sup>2</sup>	16,5	127.600	2.105.400	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
4	Xây đá học VXM (0,5*0,7*19) chân tường	m <sup>3</sup>	6,7	606.100	4.030.565	
5	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	10,0	144.100	1.441.000	
6	Dây thép gai	m	3,0	5.000	15.000	
7	Kè đá xếp khan (15*0,5*1,2)	m <sup>3</sup>	9,0	141.900	1.277.100	
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>54.072.000</b>	
1	Cỏ voi	m <sup>2</sup>	300,0	4.800	1.440.000	
2	Cây chuối cao trên 1,2m	Cây	10,0	24.000	240.000	
3	Cây xoan D=10-25 cm	Cây	5,0	42.000	210.000	
4	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 602.3m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	180,7	60.000	10.841.400	
5	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 2296.7m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	Kg	689,0	60.000	41.340.600	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>100.948.800</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	324,7	105.000	34.093.500	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	602,3	111.000	66.855.300	

